

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 3 năm 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thúy O, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn AD 2, xã HT, huyện HN, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Đình N, sinh năm 1979

Địa chỉ: K 6, thị trấn BS, huyện HN, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Thúy O trình bày: Chị và anh N tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND thị trấn BS ngày 31/7/2006. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh N làm nghề lái xe thường hay đi xa, mỗi lần về hay say xỉn, kiếm có hành hung chị và hai con rất hoảng sợ. Nay thấy hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Đình N. Về con chung: Có 02 con tên Hoàng Lê Như Y, sinh ngày 24/4/2007 và Hoàng Lê Như Q, sinh ngày 20/3/2013. Sau ly hôn chị O yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn: Anh Hoàng Đình N vắng mặt tại phiên tòa, theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh N trình bày: Về hôn nhân anh đồng ý như

chị O trình bày, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ vì anh làm nghề lái xe đường dài nên không thường xuyên có mặt ở nhà, mỗi lần về nhà có hay đi nhậu với bạn bè nên thiếu quan tâm đến vợ con. Vì còn yêu thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị O cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và đồng ý giao cả hai con cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thúy O được ly hôn với anh Hoàng Đình N.
- Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Lê Như Y và cháu Hoàng Lê Như Q cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Hoàng Đình N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Chị O và anh N tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND thị trấn BS ngày 31/7/2006 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp, không ai chịu nghe ai, anh N làm nghề lái xe thường xuyên xa nhà, về nhà lại hay say xỉn kiểm soát gây chuyện hành hung chị O làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O, giải quyết cho chị O được ly hôn anh N là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên vọng của cháu Hoàng Lê Như Y - sinh ngày 24/4/2007 là được ở với chị O để được nuôi dưỡng tốt hơn. Chị O và anh N thỏa thuận giao cả 02 con chung Hoàng Lê Như Y - sinh ngày 24/4/2007 và Hoàng Lê Như Q - sinh ngày 20/3/2013 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng và chị O không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chia tài sản: Chị O và anh N thống nhất không yêu cầu giải quyết, do đó Tòa án miễn xét.

[4] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Thúy O phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy O được ly hôn anh Hoàng Đình N.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Lê Như Y, sinh ngày 24/4/2007 và cháu Hoàng Lê Như Q, sinh ngày 20/3/2013 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị O, không yêu cầu anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Thúy O phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Chị O đã tạm ứng đủ theo biên lai thu số 0003611 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn, được tính trừ.

Chị O, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận hoặc được niêm yết tại UBND thị trấn BS, để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ